

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TTC1+AMD	7:25	13+5+4	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
2		PVD8+KTRN	7:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
3		CNV+PVD8	7:25	3+18	0+0		0+22	0+0	
4		P8+P7+P5	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	chuyen 1 p/- p5
5		BK19+TTC2+TD2	9:25	1+8+11	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
6		TD5+P8+BK21	9:25	7+12+3	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
7		P3+TTC2+P2	9:25	16+6+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
8		PVD8+TD2	11:25	10+10	0+0		8+14	0+0	
9		BK15+BK19	13:25	21+0	0+0		8+11	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày PVD8-2ng, BK19-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD2 - TTC1 - AMD	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4734	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VĂN QUYẾT	TD2	18	1	3			86	QUYẾT TH	Vietnamese
2	VŨ VĂN TOÀN	TD2	17	1	4			73	D-HANH	Vietnamese
3	CHERNIAVSKII DMITRII	TD2	19	1	9			116	KH-THAC	Russian
4	PIATOV S.V	TD2	20	1	13	1	20	100	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN VĂN SAU	TD2	22	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DUY ANH	TD2	16	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN HOÀN	TD2	21	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH HOÀN	TD2	14	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	15	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH DŨNG	TD2						97	KH-THAC	Vietnamese
11	HÀ QUỐC VIỆT	TD2						60	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LINH	TD2						74	NIPI	Vietnamese
13	TRẦN KHOA TRƯỞNG	TD2	13	1	7			76	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TTC1	93	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THẾ ƯU	TTC1	92	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HUY	TTC1	300,99	2	14			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HUY*	TTC1	89	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO XUÂN TỬ	TTC1	90-91	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH NAM	AMD	23-24	2	13			57	PHATECO	Vietnamese
20	TRẦN QUANG NGUYỄN	AMD	22	1	10			66	PHATECO	Vietnamese
21	VŨ VĂN VINH	AMD	21	1	8			68	PHATECO	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HOÀN	AMD	25	1	13			73	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	13	1.051	10	64	1	20	13		
2	TTC1	5	355	7	52	0	0	4		
3	AMD	4	264	5	44	0	0	5		
TOTAL		22	1.670	22	160	1	20	22		
WEIGHT KG			1.670		160		20			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - KTRN	CREW: HUNG - N.CUONG - THU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4738	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI KIEN ĐỨC	PVD8	59-61	3	12	1	8	87	SGC	Vietnamese
2	KOZYK SERGEY	PVD8	62	1	2			89	D-HANH	Russian
3	NGUYEN MANH CUONG	PVD8	67	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG QUOC BAO	PVD8	70	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐÔNG	PVD8	58	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM ĐỨC BÌNH	PVD8	54	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HIEU	PVD8	65-66	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ QUANG CUONG	PVD8	75-76	2	15			79	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN KHOA	PVD8	73-74	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN THANH SON	PVD8	63-64	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN THÁI THANH(*)	PVD8	68-69	2	20			52	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THAO	PVD8	55	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐẠI THANH	PVD8	71-72	2	8			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG(*)	PVD8	57	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CAO MẠNH	PVD8	56	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGOC ANH CHIEN	KTRN	06	1	9	1	13	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ(*)	KTRN	08	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MINH HIEU	KTRN	09	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ANH ĐỨC	KTRN	07	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CHÍ CUONG	KTRN	04-05	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG KHOAI	KTRN	02	1	9			71	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN HAI ĐĂNG	KTRN	03	1	5			62	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.099	23	140	1	8	15		
2	KTRN	7	465	8	44	1	13	7		
TOTAL		22	1.564	31	184	2	21	22		
WEIGHT KG			1.564		184		21			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHAN NHU' CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: CNV - PVD8	CREW: LHM - T.HIEU - TDUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4743	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐO QUỐC TUNG	CNV	67	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HAO	CNV	70	1	5	4	70	71	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG VAN HANH	CNV	68-69	2	18			58	HVJOC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG TUNG	PVD8	83	1	18			87	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM TRỌNG ĐẠI	PVD8	90	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC DU	PVD8	89	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN DINH PHAC	PVD8	95	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TUẤN ANH	PVD8	92-93	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THỌ DUNG	PVD8	99	1	19			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU LONG	PVD8	88	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO TRƯỜNG THỊNH	PVD8	98	1	16	3	18	71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH DUY	PVD8	94	1	3	1	13	83	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LONG	PVD8	96-97	2	7			75	KH-THAC	Vietnamese
14	TÀ HỒNG QUÂN	PVD8	85	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	91	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN CONG THANH	PVD8	84	1	9			70	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM THAI SƠN	PVD8	78-79	2	13			61	CODIEN	Vietnamese
18	HA QUANG HUY	PVD8	86-87	2	15			65	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN QUỐC BIỂU	PVD8	80	1	11			62	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG PHONG	PVD8	81-82	2	19			69	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CNV	3	211	4	32	4	70	0		
2	PVD8	17	1.192	22	195	4	31	22		
TOTAL		20	1.403	26	227	8	101	22		
WEIGHT KG			1.403		227		101			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LŨU THANH HẢI

LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P8 - P7 - P5	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4742	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LAZAREV A	P8	99	1	4	2	20	84	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P8	90-91	2	19			78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	95	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TU ANH	P8	03	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	09	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN BẠC	P8	94	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
7	THAI TRỌNG BÌNH	P8	96	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN LỢI	P8	11-13	3	19			59	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HOÀ	P8	04	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P8						66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CHUNG	P8	93	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG CÔNG	P8	98	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN CUÔNG	P8	07-08	2	15			78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	92	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG THẮNG	P8	02	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HUY	P8	06	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	10	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG TRI NAM	P8	97	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8						55	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG ĐÌNH THUẬN	P8	01	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	400	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG PHÚC HÙNG	P8	05	1	9			97	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	22	1.577	24	163	2	20	21		
2	P7	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN I PAX P7-P5	
3	P5	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.577	24	163	2	20	21		
WEIGHT KG			1.577		163		20			

GRAND TOTAL: 1.760 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD:	TO: BK19 - TTC2 - TD2	CREW: LHAÍ - T.HIẾU - TDUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4744	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NOVIKOV A.*	BK19	05	1	10			101	ANTOAN	Russian
2	PHUNG MINH HIEU	TTC2	75	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN TUAN	TTC2						53	KH-THAC	Vietnamese
4	LE PHUONG	TTC2	63-64	2	6			57	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH MINH ĐỨC*	TTC2	65-66	2	19	6	85	64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG LUAN	TTC2	69-70	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TOAN	TTC2	67-68	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC THAI	TTC2	71-72	2	19			19	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN THANH CHUONG	TTC2	73-74	2	16			80	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐAO NGUYEN HUNG	TD2	42	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
11	HA DUY ĐONG	TD2	50	1	15			83	KH-THAC	Vietnamese
12	HA XUAN THANH	TD2	43-44	2	8			108	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TIEN DUNG	TD2	40	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THAI ANH	TD2	49	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THỌ TÂM	TD2	39	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH HOAI NAM	TD2	51	1	19			78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỒNG GIANG	TD2	45	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUY THAI	TD2	46	1	7	1	17	80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HIỆP	TD2	47-48	2	8			91	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAO KIM SÂM	TD2	41	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	1	101	1	10	0	0	0		
2	TTC2	8	470	13	103	6	85	6		
3	TD2	11	871	13	96	1	17	16		
TOTAL		20	1.442	27	209	7	102	22		
WEIGHT KG			1.442		209		102			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYEN THUC HA

ĐINH THỊ HOA

LUU THANH HAI

LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 00:00
B.CARD: XANH-2	TO: TD5 - P8 - BK21	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4735	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VINH CUONG	TD5	55	1	4	2	22	67	KHOAN	Vietnamese
2	CHU ĐỨC HUNG	TD5	56	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	TD5	51-52	2	19			60	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ TUAN MẠNH	TD5	50	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TD5	49	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN KHIÊM HIỆU	TD5	53-54	2	11			62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN XUÂN HOÀ	TD5						72	PSV	Vietnamese
8	LÊ QUANG ĐỨC	P8	21-22	2	15			85	NAM TIEN	Vietnamese
9	VÕ HỮU ĐI	P8	16-17	2	20			90	NAM TIEN	Vietnamese
10	ĐỖ HAI ĐẠO	P8	18	1	12			71	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRÁI	P8	19	1	10	1	16	81	NAM TIEN	Vietnamese
12	LƯƠNG ANH VŨ	P8	30	1	9	5	64	70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH TRUNG	P8	31	1	7			80	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUẤN	P8	26	1	4			67	PSV	Vietnamese
15	HA VAN THIEN	P8	28	1	7			71	PSV	Vietnamese
16	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG*	P8	23	1	6			50	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	27	1	4			56	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	29	1	4			50	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC TUNG	P8	24-25	2	9			78	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG*	BK21	40	1	15	1	14	79	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK21	38-39	2	8			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE*	BK21	41	1	5			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	7	469	8	56	2	22	6		
2	P8	12	849	15	107	6	80	12		
3	BK21	3	213	4	28	1	14	4		
TOTAL		22	1.531	27	191	9	116	22		
WEIGHT KG			1.531		191		116			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM - 2	TO: P3 - TTC2 - P2	CREW: HUNG - N.CUONG - THU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4739	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HÔ NGOC BÈN	P3	25	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ TRỌNG NHIÊN	P3	93	1	15			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	P3	38-39	2	17			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	P3	28	1	15			135	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HOANG	P3	35	1	11	2	40	60	TRƯỜNG V	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH QUYNH	P3	30	1	11			68	TRƯỜNG V	Vietnamese
7	TRẦN MINH TRUNG	P3	26-27	2	17			65	TRƯỜNG V	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	P3	31-32	2	11			59	TRƯỜNG V	Vietnamese
9	ĐẶNG QUANG TIỀN	P3	37	1	13			66	TRƯỜNG V	Vietnamese
10	NGO VAN SON	P3	36	1	12			59	TRƯỜNG V	Vietnamese
11	PHẠM DUY PHƯƠNG	P3	33-34	2	16			50	TRƯỜNG V	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC MẠNH	P3	40-41	2	12			59	TRƯỜNG V	Vietnamese
13	HOANG VAN NAM	TTC2	96-97	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH SI	TTC2	94-95	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HỌC	TTC2	99	1	20			57	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ TIỀN QUY	TTC2	93	1	7			75	PSV	Vietnamese
17	HỒ TRƯỜNG KIẾN	TTC2	92	1	11			100	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	TTC2	98	1	11			87	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN DUC DAT	P2	22	1	13			72	CODIEN	Vietnamese
20	DANG QUANG LOC	P2	24	1	12			63	CODIEN	Vietnamese
21	LE NGOC ANH	P2	22	1	12	2	25	74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	12	827	17	164	2	40	0		
2	TTC2	6	450	8	85	0	0	13		
3	P2	3	209	3	37	2	25	9		
TOTAL		21	1.486	28	286	4	65	22		
WEIGHT KG			1.486		286		65			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO: PVD8 - TD2	CREW: NAM - <i>V. Hong</i> - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08	VNHS FLIGHT: TM25/4736		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN KHAC NGOC	PVD8	63-64	2	16	5	71	54	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI QUANG ANH	PVD8	69-70	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM CONG NGHIEP	PVD8	67-68	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CONG	PVD8	62	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	72	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐAU TINH VI	PVD8	65	1	5			71	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYEN MINH THANH	PVD8	66	1	3			67	GETRACO	Vietnamese
8	SHAHRUL SHAHFEEQ AHMAD BIN ABD	PVD8	57-58	2	17			94	HALLI BUR	Malaysian
9	MOHD AZMI MAT JUSOH	PVD8	59-60	2	17			86	HALLI BUR	Malaysian
10	VUONG VAN THONG	PVD8	71	1	3			66	YTE	Vietnamese
11	VU MANH DIEP	PVD8	61	1	12	2	20	74	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH CHUNG	TD2	53	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE QUANG HUY	TD2	54	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN XUAN KHANH	TD2						64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN KHA	TD2	57	1	9	1	17	67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG THANH	TD2						74	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUY CANH	TD2	55	1	5			56	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TUYEN	TD2	56	1	9			65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	11	780	16	139	7	91	8		
2	TD2	7	463	5	38	1	17	14		
TOTAL		18	1.243	21	177	8	108	22		
WEIGHT KG			1.243		177		108			

GRAND TOAL: 1.528 KGS

VSP REP.

[Signature]
NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

[Signature]
VU THI THU HUONG

CREW

[Signature]
TRAN HONG NAM

[Signature]
Ngô Văn Trọng





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: BK15 - BK19	CREW: NAM - VTHANG - TOAN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/4737	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUONG ĐỨC HIÊU	BK15	83	1	12	5	87	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIÊN HOANG SON*	BK15	82	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOANG*	BK15	79	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HUY	BK15	81	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU TIÊN THANH*	BK15	78	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CHI CÔNG	BK15	76	1	6			94	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HỮU CHÍNH	BK15	74	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG*	BK15	77	1	14			81	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN CUÔNG	BK15	90	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	BK15	86	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH*	BK15	91-92	2	13			74	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN BA BÀU	BK15	95	1	14	1	12	84	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KHUYNH*	BK15	87-88	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN HUNG*	BK15	99,300	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH HÙNG	BK15	39	1	9			70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN KIM VƯƠNG*	BK15	89	1	18			56	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN THANH NGHIỆM*	BK15	93-94	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH BIÊN*	BK15	84	1	14	1	12	85	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM TIÊN HAI	BK15	97-98	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CHÍNH	BK15	75	1	20			75	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VAN PHUONG	BK15	80	1	3			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK15	21	1.550	26	249	7	111	8		
2	BK19	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		21	1.550	26	249	7	111	19		
WEIGHT KG			1.550		249		111			

GRAND TOAL: 1,910 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN THĂNG